

Hung Yên, ngày 09 tháng 4 năm 2020

Số: 73 /TTTrLN-SLĐTBXH-STC

TỜ TRÌNH LIÊN NGÀNH

Đề nghị trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: - Ban Thường vụ Tỉnh ủy
- Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
Số: 4902	
Ngày: 10 / 4 / 2020	
Chuyên: Thuế	
Lưu hồ sơ:	

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính xin trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về việc trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đến cuối năm 2019, toàn tỉnh đã có trên 51 nghìn đối tượng tại cộng đồng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, được hỗ trợ kinh phí chăm sóc và cấp thẻ bảo hiểm y tế, kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên hàng năm trên 215 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế nhóm người từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng là nhóm người cao tuổi gặp không ít khó khăn trong cuộc sống, vẫn chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Chính phủ.

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để thực hiện tốt hơn nữa chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng, thực hiện “trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên” là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích:

Hoàn thiện chính sách về trợ giúp xã hội; nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, mở rộng đối tượng hưởng trợ giúp xã hội thụ hưởng, ưu tiên người cao tuổi nhằm hỗ trợ một phần kinh phí để cải thiện cuộc sống, động viên nhóm người từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

2. Quan điểm: Nội dung và mức chi phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước của tỉnh và đúng thẩm quyền;

Thực hiện hiệu quả, đảm bảo chế độ cho các đối tượng đúng, đủ, kịp thời.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.



2. Đối tượng: Người từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ

Trợ cấp xã hội hàng tháng: Bằng 50% mức chuẩn trợ cấp xã hội theo Khoản 1 Điều 4 Nghị định 136/2013/NĐ-CP với người từ đủ 75 đến 80 tuổi mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng, không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Khi Chính phủ thay đổi mức chuẩn trợ cấp xã hội thì mức hỗ trợ được thực hiện theo mức chuẩn trợ cấp xã hội mới.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

- Dự kiến số lượng và kinh phí:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Dự kiến mức trợ cấp XH/tháng	Dự kiến tổng tiền hỗ trợ/năm (đồng)
1	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi: Không có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp XH hàng tháng, không thuộc diện hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp XH hàng tháng.	15.427	Bằng 50% mức chuẩn trợ cấp XH theo quy định hiện hành: 270.000đ x 50% = 135.000đ/người/tháng	24.991.740.000
	Tổng tiền (đồng)			24.991.740.000

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước;
- Cơ quan thực hiện trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

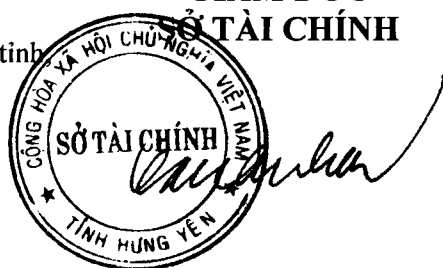
VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VÀ THỰC HIỆN

- Kỳ họp thứ Mười một, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI
- Thời điểm thực hiện: từ 01/7/2020

Liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định./.

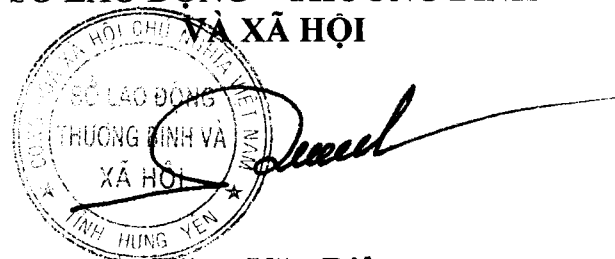
Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở LĐTB&XH;
- Lưu: VT, BTXH.

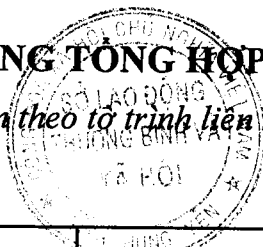


Lê Xuân Tiến

GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Đặng Văn Diên

BẢNG TỔNG HỢP NGƯỜI CAO TUỔI TỪ 75 ĐẾN DƯỚI 80 TUỔI*(Kèm theo tờ trình liên ngành số: 73/TrLN-SLĐTBXH-STC ngày 09/4/2020)*

STT	Huyện/TX/TP	Các mốc tuổi (tính theo năm dương lịch)					Tổng
		75 tuổi	76 tuổi	77 tuổi	78 tuổi	79 tuổi	
1	TP Hưng Yên	379	328	285	345	222	1,559
2	Phù Cừ	285	211	188	224	184	1,092
3	Tiên Lữ	315	223	220	232	191	1,181
4	Kim Động	274	251	254	323	267	1,369
5	Ân Thi	389	306	304	351	310	1,660
6	Khoái Châu	590	513	509	579	507	2,698
7	Yên Mỹ	331	251	277	380	284	1,523
8	Văn Giang	294	242	208	262	221	1,227
9	Văn Lâm	453	417	415	409	368	2,062
10	Mỹ Hào	214	200	201	251	190	1,056
Tổng cộng (người)		<u>3,524</u>	<u>2,942</u>	<u>2,861</u>	<u>3,356</u>	<u>2,744</u>	<u>15,427</u>
Kinh phí dự kiến 6 tháng từ 01/7-12/2020 (đồng)		2,854,440,000	2,383,020,000	2,317,410,000	2,718,360,000	2,222,640,000	12,495,870,000

Ghi chú: Tổng số đối tượng từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp hàng tháng, không thuộc diện hộ người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng là **15.427 người**; Tổng số kinh phí dự kiến 6 tháng với mức hỗ trợ 135.000đồng/tháng/người là **12.495.870.000 đồng** (Mười hai tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng)

Số: 424 /LN-LĐTBXH-TC-YT-BHXH

Hưng Yên, ngày 09 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho đối tượng là người khuyết tật chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”

giao ban

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
Số: 4903	
Ngày: 10 / 4 / 2020	
Chuyên: Tài chính	
Lưu hồ sơ:	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện chính sách bảo hiểm y tế (BHYT) nhằm đảm bảo mọi người dân được tiếp cận, bình đẳng khi sử dụng các dịch vụ y tế; tăng cường công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đồng thời góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh số người đang tham gia BHYT là 88,6% dân số trên địa bàn. Trong đó, đối tượng chính sách người có công, bảo trợ xã hội, người thuộc hộ gia đình nghèo, Hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên... được hỗ trợ và hỗ trợ một phần mức đóng BHYT từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật BHYT; đặc biệt Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên đã quan tâm quyết định hỗ trợ đóng BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh đối với một số nhóm đối tượng sau: 100% đối với Đảng viên được tăng Huy hiệu từ 30 năm tuổi Đảng trở lên, Người từ đủ 60 đến dưới 80 tuổi; Người thu gom rác thải tại thôn, xóm, khu phố; chức sắc tôn giáo thuộc các tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận; hỗ trợ thêm 30% đối với người thuộc hộ cận nghèo, Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình và Học sinh.

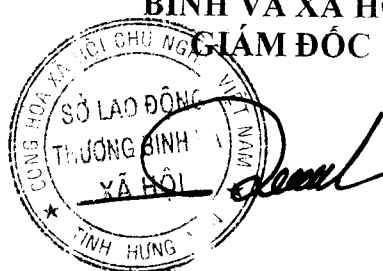
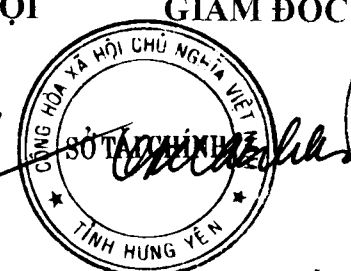
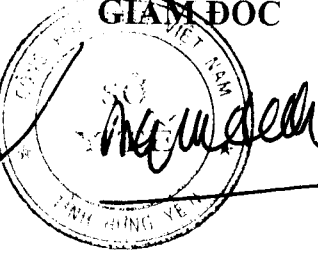
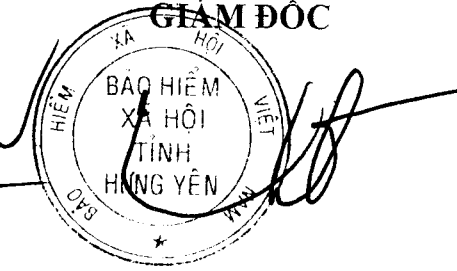
Công tác khám chữa bệnh, trong đó khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT từng bước được củng cố, nâng cao cả về chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và thái độ phục vụ. Công tác thực hiện chính sách BHYT trong thời gian qua đã tạo được sự đồng thuận, tăng cường niềm tin của mọi tầng lớp nhân dân trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành.

Thực hiện Công văn số 2474-CV/TU ngày 19/11/2019 của tỉnh ủy Hưng Yên về việc triển khai Chỉ thị số 39-CT-TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với người khuyết tật. Bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành liên quan tiến hành rà soát, xác định số người khuyết tật chưa được hưởng trợ cấp hàng tháng, và chưa được cấp thẻ BHYT trên địa bàn tỉnh khoảng 3.679 người. Do thiếu hụt trên cơ thể ảnh hưởng tới sức khỏe nên đối tượng này ít có cơ hội tìm kiếm/đáp ứng yêu cầu việc làm tạo ra thu nhập ổn định, đa phần có hoàn cảnh

kinh tế khó khăn, ít có điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và tham gia BHYT”;

Để tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, đảm bảo lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Liên ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ mua thẻ BHYT đối với người khuyết tật nêu trên từ nguồn ngân sách tỉnh cụ thể như sau:

1. Số người khuyết tật trên địa bàn tỉnh dự kiến là: 3.679 người;
2. Mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước mua thẻ BHYT: Hỗ trợ 100% mức đóng BHYT;
3. Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ một năm là: 2.960.123.400 đồng
(Hai tỷ chín trăm sáu mươi triệu một trăm hai ba ngàn bốn trăm đồng chẵn)
(có phụ lục đính kèm)
4. Thời gian hỗ trợ:
Mức hỗ trợ đóng BHYT trên được áp dụng từ ngày 01/07/2020
Liên ngành kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI GIÁM ĐỐC	SỞ TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC	SỞ Y TẾ GIÁM ĐỐC	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH GIÁM ĐỐC
			
Đặng Văn Diên	Lê Xuân Tiến	Nguyễn Thị Anh	Phạm Hữu Hiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy; | (thay bc)
- Thường trực HĐND tỉnh; |
- Lưu: Sở LĐTBXH, STC; SYT; BHXH tỉnh;



số người khuyết tật là nguồn kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT một năm

(kèm theo Tờ trình liên ngành số **424** LN-ĐB/BXH-TC-YT-BHYT ngày **09** tháng **4** năm 2020 của liên ngành Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: người/VND

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Số người	Số tiền hỗ trợ mua thẻ BHYT
1	Thành phố Hưng Yên	73	58,735,800
2	Huyện Văn Lâm	373	300,115,800
3	Huyện Văn Giang	237	190,690,200
4	Huyện Yên Mỹ	310	249,426,000
5	Huyện Mỹ Hào	298	239,770,800
6	Huyện Ân Thi	872	701,611,200
7	Huyện Khoái Châu	281	226,092,600
8	Huyện Kim Động	408	328,276,800
9	Huyện Tiên Lữ	138	111,034,800
10	Huyện Phù Cừ	689	554,369,400
	Cộng	3,679	2,960,123,400

